

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày 25-03-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở chính: Số 28C - 28D, phố Bà Triệu, phường H, quận H, Thành phố HN; địa chỉ liên hệ: Số 175, Khánh Hội, phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Hoàng D, sinh năm 1980, chức vụ: Chuyên viên cao cấp phòng tổ tụng tại Miền Nam; địa chỉ: Số 175, Khánh Hội, phường X, Quận Y, Thành phố H - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 16/UQ-NBD-QLN ngày 11/01/2022). **Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.**

- Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1987 (có mặt) và bà Lang Thị X, sinh năm 1987 (vắng mặt), cùng địa chỉ: Số 318/13, đường ĐT 743A, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Văn H, bà Lang Thị X có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Q chi tiết như sau: Hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/329/16/101-66 ngày 29/7/2016. Số tiền vay: 391.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi một triệu đồng). Thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: Mua

xe ô tô MITSUBISHI ATTRAGE mới 100%, theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 097/MBOTO/2016 ngày 06/07/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại A.M.C và ông Lê Văn H.

Lãi suất trong hạn: Lãi suất kỳ đầu tiên: Lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu là: 8,5%/năm. Áp dụng 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất kỳ tiếp theo: được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 4.0%/năm. Mức lãi suất cơ sở được NCB thông báo trong từng thời kỳ.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Lãi chậm trả lãi bằng (=) Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả nhân (x) lãi suất quá hạn chậm trả lãi (%/năm) nhân (x) Số ngày chậm trả lãi chia (:) 360. Trong đó, Số ngày chậm trả lãi được tính từ ngày đến hạn trả lãi vay đến ngày trả đủ lãi vay.

Biện pháp bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Lê Văn H, bà Lang Thị X đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q tài sản sau: Xe ô tô con, nhãn hiệu MITSUBISHI, số chỗ ngồi: 05, màu sơn: Xám bạc, số khung: MMBSNA13AFH018098, số máy: 3A92UCT1150, biển số: 61A-298.51.

Tài sản bảo đảm trên được ký kết theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 290/2016/HĐTC/101-66 ngày 28/07/2016 và Phụ lục Bổ sung Hợp đồng thế chấp số 290/2016/HĐTC/101-66/PL01 ngày 29/7/2016.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay nêu trên, ông Lê Văn H, bà Lang Thị X đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần gửi công văn, thông báo nhắc nợ và đã đến làm việc trực tiếp với ông Lê Văn H, bà Lang Thị X để yêu cầu trả nợ, tuy nhiên ông Lê Văn H, bà Lang Thị X vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền ông Lê Văn H, bà Lang Thị X đã thanh toán là 302.449.810 đồng, trong đó tiền gốc là 186.612.290 đồng, tiền lãi là 115.837.520 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu: Chấm dứt trước hạn đối với Hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/329/16/101-66 ngày 29/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Lê Văn H và bà Lang Thị X

Buộc ông Lê Văn H, bà Lang Thị X thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2022 là 274.604.978 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm không bốn nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng), bao gồm: Nợ gốc là 204.387.710 đồng, nợ lãi là 41.507.461 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 28.709.807 đồng. Ông Lê Văn H, bà Lang Thị X phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/329/16/101-66 ngày 29/7/2016 cho đến khi ông Lê Văn H, bà Lang Thị X trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Nếu ông Lê Văn H, bà Lang Thị X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, kính đề nghị Quý Tòa tuyên: Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô con MITSUBISHI biển số: 61A-298.51, màu sơn: Xám bạc, số chỗ ngồi: 05 chỗ, số khung: MMBSNA13AFH018098, số máy: 3A92UCT1150 do ông Lê Văn H, bà Lang Thị X

đứng tên chủ xe theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 290/2016/HĐTC/101-66 ngày 28/07/2016 và Phụ lục Bổ sung Hợp đồng thế chấp số 290/2016/HĐTC/101-66/PL01 ngày 29/7/2016 để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q, thì Ngân hàng TMCP Q được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xác minh, kê biên, xử lý tài sản của ông Lê Văn H và bà Lang Thị X để thu hồi các khoản nợ còn lại.

- Đối với bị đơn ông Lê Văn H:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án hay yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Tuy nhiên tại phiên tòa ông Lê Văn H có ý kiến: Thống nhất với phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp tài sản mà ông Lê Văn H, bà Lang Thị X đã gia kết với Ngân hàng TMCP Q. Nhưng ông Lê Văn H cho rằng số tiền nợ của ông Lê Văn H, bà Lang Thị X đối với Ngân hàng TMCP Q là khoảng 150.000.000 đồng. Ông Lê Văn H không nhớ số tiền gốc, lãi đã thanh toán và tổng số kỳ đã thanh toán ...cho Ngân hàng TMCP Q là bao nhiêu.

Nay, Ngân hàng TMCP Quốc Dân yêu cầu phải trả tiền nợ gốc là 204.387.710 đồng và tiền lãi là 70.217.268 đồng, ông Lê Văn H không đồng ý. Ông Lê Văn H chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

Do hiện nay, tôi ông Lê Văn H có tiền mặt để trả tiền ngân hàng nên đồng ý đề Cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô con MITSUBISHI biển số: 61A-298.51, màu sơn: Xám bạc, số chỗ ngồi: 05 chỗ, số khung: MMBSNA13AFH018098, số máy: 3A92UCT1150 do ông Lê Văn H, bà Lang Thị X đứng tên chủ xe theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 290/2016/HĐTC/101-66 ngày 28/07/2016 và Phụ lục Bổ sung Hợp đồng thế chấp số 290/2016/HĐTC/101-66/PL01 ngày 29/7/2016 để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp nếu phát mãi chiếc xe thế chấp nêu trên mà không đủ trả số nợ như tôi xác định là 150.000.000 đồng thì ông Lê Văn H sẽ tiếp tục thanh toán số tiền còn lại.

- Đối với bị đơn bà Lang Thị X:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào ngày **09/3/2022 và ngày 25/03/2022** nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án hay yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con MITSUBISHI biển số: 61A-298.51, màu sơn: Xám bạc, số chỗ ngồi: 05 chỗ, số khung: MMBSNA13AFH018098, số máy: 3A92UCT1150 do ông Lê Văn H, bà Lang Thị X đứng tên chủ xe vào ngày 07 tháng 03

năm 2022, nhưng do ông Lê Văn H, bà Lang Thị X không đưa xe đến để Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ nên Tòa án đã không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lang Thị X được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn bà Lang Thị X là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Lang Thị X đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa vào các ngày **09/3/2022 và ngày 25/03/2022** nhưng bà Lang Thị X vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lang Thị X theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho vay và thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng vay: Xét, hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016 được Ngân hàng TMCP Q và ông Lê Văn H và bà Lang Thị X đã ký kết, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ...phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Lê Văn H và bà Lang Thị X có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ trách nhiệm pháp lý khi ký kết hợp đồng nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện. Thực hiện hợp đồng ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Văn H và bà Lang Thị X số tiền 391.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu đồng*) theo Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/329/16/101-66 ngày 29/7/2016. Theo thỏa thuận tại Điều 7 Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/329/16/101-66 ngày 29/7/2016, ông Lê Văn H và bà Lang Thị X phải trả tiền gốc và lãi hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện. Ông Lê Văn H cho rằng đến thời điểm hiện nay chỉ còn nợ gốc là 150.000.000 đồng nhưng không nhớ tổng số tiền đã trả và không có chứng cứ chứng minh lời khai của mình nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn ông Lê Văn H. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là vi phạm thỏa thuận Điều 12 Hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu chấm dứt trước hạn đối với Hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/329/16/101-66 ngày 29/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Lê Văn H và bà Lang Thị X và buộc bị đơn thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016 tạm tính đến ngày 25/3/2022 là 274.604.978 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm bốn nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 204.387.710 đồng, nợ lãi là 41.507.461 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 28.709.807

đồng và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 26/3/2022 cho đến khi thanh toán hết số nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/329/16/101-66 ngày 29/7/2016 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp ông Lê Văn H và bà Lang Thị X không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q: Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp xe ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 290/2016/HĐTC/101-66 ngày 28/07/2016 và Phụ lục Bổ sung Hợp đồng thế chấp số 290/2016/HĐTC/101-66/PL01 ngày 29/7/2016 được ông Lê Văn H và bà Lang Thị X ký kết với Ngân hàng TMCP Q, chi nhánh Sài Gòn, phòng giao dịch Tân Hương đối với chiếc xe ô tô biển số 61A-298.51 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 28/7/2016, số đăng ký: 1220017362 nên phát sinh hiệu lực. Trình tự thủ tục thế chấp tài sản của các bên đúng quy định tại các Điều 298, 317, 318 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Lê Văn H và bà Lang Thị X không trả được nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 49 của Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H và bà Lang Thị X phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 73; khoản 2 Điều 201 và các Điều 26, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 298, 317, 318 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Qđối với ông Lê Văn H và bà Lang Thị X về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Chấm dứt Hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/329/16/101-66 ngày 29/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Lê Văn H và bà Lang Thị X

1.2. Buộc ông Lê Văn H, bà Lang Thị X thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2022 là 274.604.978 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm không bốn nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 204.387.710 đồng, nợ lãi là 41.507.461 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 28.709.807 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Văn H, bà Lang Thị X tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 329/16/HĐCV/101-66 ngày 28/07/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/329/16/101-66 ngày 29/7/2016 cho đến khi ông Lê Văn H, bà Lang Thị X trả xong số nợ cho Ngân hàng.

1.3. Trường hợp ông Lê Văn H, bà Lang Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là xe ô tô con MITSUBISHI biển số: 61A-298.51, màu sơn: Xám bạc, số chỗ ngồi: 05 chỗ, số khung: MMBSNA13AFH018098, số máy: 3A92UCT1150 do ông Lê Văn H, bà Lang Thị X đứng tên chủ xe.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Văn H và bà Lang Thị X phải chịu số tiền 13.730.000 (mười ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn) đồng. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 5.563.000 (năm triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003216 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (03);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên